

Số: 3976/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả Hiệp định CPTPP; khai thác tối đa lợi thế của tỉnh, khắc phục những hạn chế, khó khăn nhằm tận dụng được đầy đủ cơ hội từ Hiệp định CPTPP mang lại.

2. Yêu cầu

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao các sở, ban, ngành và địa phương cần chủ động cụ thể hóa và triển khai thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP và thị trường của các nước tham gia Hiệp định CPTPP

a) Tăng cường phổ biến về Hiệp định CPTPP cho các đối tượng có liên quan (ông dân, ngư dân, cơ quan quản lý cấp địa phương, hiệp hội ngành nghề, hợp tác xã, cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ) thông qua các phương tiện truyền thông, trang thông tin điện tử, các lớp tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết của như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả Hiệp định CPTPP.

b) Chú trọng tập huấn cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực như đầu tư, dịch vụ, hải quan, sở hữu trí tuệ, nông, lâm, ngư



nghiệp, lao động, môi trường,... về các cam kết cụ thể có liên quan trong Hiệp định CPTPP, bảo đảm hiểu rõ, đúng, từ đó giúp việc thực thi Hiệp định được đầy đủ và hiệu quả.

c) Thiết lập Đầu mối thông tin về Hiệp định CPTPP nói riêng và các hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung để cung cấp thông tin, hướng dẫn và làm rõ các nội dung cam kết và các vấn đề có liên quan đến Hiệp định CPTPP và các FTA và Việt Nam tham gia.

d) Củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin, dự báo về các thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước, cung cấp thông tin về thương mại – đầu tư để các doanh nghiệp có thể kịp thời nắm bắt các thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa của các nước đối tác CPTPP nói riêng và các đối tác nói chung, cũng như dự báo được nhu cầu của thị trường trong nước và ứng phó với sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam khi tham gia Hiệp định CPTPP.

b) Tổ chức áp dụng trực tiếp các cam kết đã có hiệu lực theo Phụ lục 2 của Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định CPTPP và các văn kiện có liên quan.

c) Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với Hiệp định CPTPP, đảm bảo việc tham vấn, lấy ý kiến các đối tượng có liên quan trong việc xây dựng các chính sách.

d) Kiện toàn, củng cố các cơ quan phụ trách việc thực thi Hiệp định CPTPP tại địa phương để phối hợp chặt chẽ với cơ quan đầu mối quốc gia về thực thi Hiệp định, đảm bảo việc thực thi được hiệu quả và đầy đủ.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, nông dân, phù hợp với cam kết quốc tế; đồng thời, chuẩn bị những giải pháp ứng phó, hỗ trợ đối với những ngành hàng, mặt hàng chịu tác động lớn, trực tiếp từ biến động thị trường quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

b) Đẩy mạnh việc dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

c) Tập trung cơ cấu lại công nghiệp của tỉnh, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo mô hình sản xuất tiên tiến, ứng dụng khoa học - công nghệ, an toàn, thân thiện với môi trường.

d) Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp và các ngành sản xuất.

đ) Tăng cường các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kết nối với doanh nghiệp nội địa, góp phần vào việc hình thành và phát triển chuỗi cung ứng.

e) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong ngành kỹ thuật – công nghệ, luật, tài chính...

4. Chủ trương và chính sách đối với tổ chức công đoàn và các tổ chức của người lao động tại cơ sở doanh nghiệp

Tăng cường quản lý có hiệu quả sự ra đời và hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh ổn định; đồng thời, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động thuận lợi, lành mạnh theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các nguyên tắc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), hoạt động không vì mục đích chính trị, đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

5. Chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

a) Xây dựng và ban hành đồng bộ các chính sách xã hội, bao gồm chính sách hỗ trợ về tài chính, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, cung cấp các dịch vụ tư vấn việc làm... để giúp người lao động bị mất việc làm do các doanh nghiệp không đứng vững được trong quá trình cạnh tranh.

b) Tiếp tục thúc đẩy thực thi đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định đa phương về môi trường, bảo tồn và bảo vệ động thực vật hoang dã mà Việt Nam đã tham gia. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

c) Thực hiện việc đánh giá tác động của Hiệp định CPTPP đến vấn đề lao động, việc làm, xã hội và đề ra những giải pháp để thực hiện hiệu quả Hiệp định CPTPP trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp chống lại hành vi thương mại hóa động vật hoang dã bị khai thác trái phép.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tăng cường phổ biến thông tin về Hiệp định CPTPP nói riêng, các FTA Việt Nam đã tham gia nói chung, hội nhập kinh tế quốc tế và hướng dẫn việc thực thi các cam kết hội nhập cho người dân và doanh nghiệp tại địa phương; khuyến khích sự tham gia rộng rãi, tích cực và chủ động hơn nữa của khu vực tư nhân, các hiệp hội ngành, nghề, các tổ chức chính trị-xã hội và người dân trong việc tìm hiểu, thực thi các cam kết quốc tế trong hội nhập kinh tế quốc tế.



b) Tổ chức hội nghị, lớp tập huấn cập nhật, phổ biến các nội dung về phòng vệ thương mại, quy tắc xuất xứ, quyền sở hữu trí tuệ đến các hiệp hội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp chủ động nâng cao sức cạnh tranh, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu có uy tín.

c) Tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin, dự báo về các thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước, cung cấp thông tin về thương mại – đầu tư để các doanh nghiệp có thể kịp thời nắm bắt các thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa của các nước đối tác CPTPP nói riêng và các đối tác nói chung, cũng như dự báo được nhu cầu của thị trường trong nước và ứng phó với sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

d) Tăng cường các biện pháp, cơ chế khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kết nối với doanh nghiệp nội địa, góp phần vào việc hình thành và phát triển chuỗi cung ứng.

đ) Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm công, nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).

e) Chủ trì triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, quy hoạch, đề án như: Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; Chương trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020...

g) Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ về khuyến công cho các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh.

h) Chủ trì triển khai các hoạt động nâng cao hiệu quả áp dụng sản xuất sạch hơn trong ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 5047/KH-UBND ngày 10/6/2014 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh đến năm 2020 của tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 8265/KH-UBND ngày 5/9/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 16/4/2013 của Tỉnh ủy về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa vào năm 2020; Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 9/01/2013 của UBND tỉnh về chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2050 của tỉnh Đồng Nai.

c) Xây dựng kế hoạch gỡ gỡ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hàng năm nhằm lắng nghe những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để lãnh đạo cấp tỉnh, huyện, sở ngành xử lý tháo gỡ khó khăn, kịp thời hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm sản xuất và hoạt động hiệu quả hơn.

3. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để tham mưu hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản pháp luật đảm bảo phù hợp với Hiệp định CPTPP.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh kế hoạch tổ chức tập huấn pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế và Hiệp định CPTPP cho đội ngũ luật sư trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, từng bước tiếp cận và tham gia giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tạo sự chuyển biến về giá trị sản xuất, năng lực cạnh tranh, ổn định thị trường đầu ra cho nông sản.

b) Phối hợp với các địa phương triển khai xây dựng vùng chuyên canh, vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP đảm bảo có đủ điều kiện tham gia tốt vào thị trường trong nước và nước ngoài; triển khai mô hình hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong quá trình hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì triển khai các hoạt động phát triển khoa học và công nghệ, chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016 - 2020.

b) Phổ biến các vấn đề chung về sở hữu công nghiệp cho doanh nghiệp như phương pháp, thủ tục đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp, vấn đề quản trị sở hữu công nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp xác lập quyền và phát triển nhãn hiệu ở thị trường trong và ngoài nước, trước hết là đối với những nhãn hiệu đã có vị trí trên thị trường.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về lao động; hỗ trợ thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tại doanh nghiệp,

các thiết chế hòa giải, trọng tài lao động.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác hỗ trợ, dịch vụ tư vấn việc, hỗ trợ người lao động trong việc chuyển đổi nghề nghiệp trong thị trường cạnh tranh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí của tỉnh tuyên truyền về Hiệp định CPTPP.

b) Phối hợp Sở Công Thương tuyên truyền, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu với thiệu và nghiên cứu về Hiệp định CPTPP và tham gia của Việt Nam.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KINH PHÍ THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị căn cứ kế hoạch chủ động tổ chức triển khai thực hiện, định kỳ trước ngày 30 tháng 10 hàng năm gửi báo cáo cho Sở Công Thương để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện và kiến nghị các biện pháp cần thiết, bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan xây dựng và bố trí nguồn ngân sách để thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu cần thấy sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các sở, ngành chủ động báo cáo UBND tỉnh (đồng thời sao gửi Sở Công Thương), để Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh